

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/HNGĐ - ST**
Ngày 15 - 6 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Dương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị E, sinh năm 1990. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ a, khu phố b, thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Phạm Phú Q, sinh năm 1985. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà xx, tổ y, khu phố c, thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Dương Thị E trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà E và ông Q sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương ngày 20/8//2019. Việc chung sống với nhau và đăng ký kết hôn là do ông bà hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống với nhau vợ chồng bà sống hạnh phúc, sau một thời gian thì vợ chồng bà bất đồng quan điểm, không còn tôn trọng và yêu thương nhau. Bà và ông Q không thể tiếp tục cuộc sống chung với nhau được nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà E và ông Q có 01 con chung là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 30/8/2004. Hiện con đang ở cùng với bà. Khi ly hôn, bà E yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Phạm Phú Q trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà E chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương năm 2019. Việc kết hôn, chung sống với nhau là do ông bà hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau thì bà E tự dọn đồ đi khỏi nhà từ sau tết năm 2022, vợ chồng ông không còn sống chung với nhau. Nay bà E yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn với bà E.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Q và bà E có 01 con chung là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 30/8/2004. Hiện con đang ở cùng với bà E. Khi ly hôn, ông Q đồng ý để bà E trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, căn cứ vào bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà E, ông Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX giao con chung Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 30/8/2004 cho bà E nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà E không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Thị E có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Phú Q, yêu cầu được nuôi con chung. Bị đơn ông Q hiện cư trú tại khu phố 2, thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà E và bị đơn ông Q đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Dương Thị E và bị đơn ông Phạm Phú Q tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương, số đăng ký 106 ngày 20/8/2019. Bà E và ông Q đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình được. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Dương Thị E được ly hôn với ông Phạm Phú Q.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà E và ông Q, Giấy khai sinh (bản sao) số 1xyz, quyền số 02/08/09, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P1, tỉnh Bình Dương xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 30/8/2004. Hiện cháu T đang sống cùng với nguyên đơn và cháu T có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Nguyên đơn bà E yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bị đơn ông Q đồng ý để bà E trực tiếp nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 30/8/2004 cho bà E trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà E không yêu cầu bị đơn ông Q phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị E đối với bị đơn ông Phạm Phú Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.
2. Về hôn nhân: Bà Dương Thị E được ly hôn với ông Phạm Phú Q.
3. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 30/8/2004 cho bà Dương Thị E trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị E không yêu cầu ông Phạm Phú Q cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Dương Thị E phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0007783 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Chang